TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH C**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2019/DS - ST
Ngày: 23 - 7 - 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thả;

2. Ông Nguyễn Văn Thượng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên là Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh C tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2019/TLST- DS ngày 08 tháng 4 năm 2019 về Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXX- ST ngày 21 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-DS ngày 08/7/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị A, sinh năm 1988; địa chỉ cư trú: Tổ 7, khu phố 1, thị trấn B, huyện B, huyện B, tỉnh C.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967, địa chỉ cư trú: tổ 4, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh C. Theo văn bản ủy quyền ngày 11/3/2019.

- Bị đơn: Anh Cao Hoàng E, sinh năm 1970, địa chỉ cư trú: Tổ 2, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh C.

Chị Lê Bích F, sinh năm 1978; Nơi ĐKHKTT: Tổ 2, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh C.

Nơi cư trú: Ấp G, xã H, huyện K, tỉnh C.

Bà D có mặt, chị F và anh E vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị D trình bày:

Chị A không có quan hệ bà con hay họ hàng gì thân thích với anh E và chị F. Do trước đây anh E có thu mua mủ cao su và gia đình chị A có bán mủ cao su cho anh E nên các bên quen biết nhau. Anh E từng vay tiền của chị A và thực hiện đúng nghĩa vụ hoàn trả nợ nên vào ngày 16/01/2017 khi anh E yêu cầu thì chị A có cho anh E vay số tiền 300.000.000 đồng. Anh E có viết nội dung, ký, ghi họ tên xác nhận vào giấy nhận nợ ngày 16/01/2017. Thời gian vay là 05 ngày kể từ ngày 16/01/2017, trong giấy vay không thể hiện lãi suất vay nhưng trên thực tế các bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất vay là 02%/tháng. Tuy nhiên kể từ ngày vay tiền cho đến nay anh E vẫn chưa trả cho chị A số tiền vay 300.000.000 đồng và tiền lãi. Nay chị A xác định khởi kiện yêu cầu anh E và chị F có nghĩa vụ hoàn trả cho chị A 300.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi của số tiền vay với lãi suất 0.83%/tháng. Thời gian tính tiền lãi kể từ ngày 16/01/2017 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện.

Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của chị A là giấy nhận nợ vay do anh E ký và ghi họ tên xác nhận; số tiền vay phát sinh khi chị F và anh E là vợ chồng, mục đích vay tiền để kinh doanh mua bán mủ cao su, anh E và chị F vẫn có tài sản chung và chị F biết rõ việc anh E vay tiền.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – Chị Lê Bích F trình bày:

Chị và anh Cao Hoàng E chung sống vợ chồng từ năm 2004, có đăng ký kết hôn, tuy nhiên từ đầu năm 2016 thì chị và anh E đã sống ly thân, đến ngày 27/9/2017 thì ly hôn theo quyết định số 340/2017/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C. Kể từ ngày vợ chồng sống ly thân chị đã chuyển về sống tại xã H, huyện K, tỉnh C cho đến nay. Chị không biết việc anh E vay tiền của chị A, chị không trực tiếp vay tiền và không sử dụng số tiền anh E vay của chị A nên chị không đồng ý cùng anh E hoàn trả cho chị A số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi như chị A yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án do anh Cao Hoàng E đã được tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án và tham dự phiên tòa nhưng anh E vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của anh E đối với yêu cầu khởi kiện của chị A.

Tại phiên toà:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Về tố tụng: Do chị Lê Bích F có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Cao Hoàng E là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị F và anh E.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Cao Hoàng E và chị Lê Bích F. Buộc anh Cao Hoàng E có nghĩa vụ trả cho chị Bùi Thị A số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị A đối với yêu cầu chị Lê Bích F có trách nhiệm cùng anh Cao Hoàng E hoàn trả cho chị A số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi.

Về án phí: Anh Cao Hoàng E phải chịu án phí dân sự theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Do chị Lê Bích F có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Cao Hoàng E là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị F và anh E.

[2] Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị A yêu cầu vợ chồng anh Cao Hoàng E và chị Lê Bích F hoàn trả số tiền vay gốc là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/01/2017 thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ là biên nhận nợ ngày 16/01/2017 thể hiện bên vay tiền là anh Cao Hoàng E. Nội dung giấy vay tiền thể hiện chị A có cho anh E vay 300.000.000 đồng, thời gian vay 05 ngày kể từ ngày 16/01/2017, anh E ký vào biên nhận nợ và thỏa thuận như nêu trên. Anh Cao Hoàng E có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh C nhưng theo biên bản xác F ngày 03/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C tại Công an thị trấn B, huyện B, tỉnh C thể hiện từ tháng 5/2018 cho đến nay anh E không có mặt tại nơi cư trú, không báo với chính quyền địa phương và chị A biết nơi cư trú mới nên Tòa án không triệu tập được anh E và không có bất kỳ lời khai nào của anh E

về yêu cầu khởi kiện của chị A. Việc anh E bỏ đi mà không thông báo nơi ở mới là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Do đó căn cứ vào giấy biên nhận nợ gốc do chị A cung cấp Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị A và buộc anh Cao Hoàng E có trách nhiệm hoàn trả cho chị Bùi Thị A số tiền nợ vay gốc 300.000.000 đồng.

- Đối với yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 300.000.000 đồng chị A yêu cầu thì thấy rằng: Do trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất vay nên cần áp dụng quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để xác định mức lãi suất áp dụng là 10%/năm (0.83 %/tháng). Thời gian vay 05 ngày kể từ ngày 16/01/2017 đến ngày 21/01/2017 nên đến ngày 22/01/2017 anh Cao Hoàng E không thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng vay với chị A thì quyền và lợi ích hợp pháp của chị Bùi Thị A mới bị xâm phạm và phát sinh yêu cầu tính tiền lãi. Do đó số tiền lãi chị A yêu cầu được chấp nhận và tính từ ngày 22/01/2017 đến ngày 23/7/2019 là 300.000.000 đồng x 0,83% x 30 tháng 01 ngày = 74.783.000 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi anh E có nghĩa vụ hoàn trả cho chị A là 300.000.000 đồng + 74.783.000 đồng = 374.783.000 đồng.

Đồng thời kể từ ngày 24/7/2019 cho đến khi thi hành án xong, anh Cao Hoàng E còn phải trả cho chị Bùi Thị A khoản tiền lãi của số tiền 374.783.000 đồng phải thi hành án với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đối với yêu cầu của chị A yêu cầu chị Lê Bích F có nghĩa vụ cùng anh Cao Hoàng E hoàn trả số tiền nợ vay gốc và lãi nêu trên thì thấy rằng: Anh Cao Hoàng E và chị Lê Bích F tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2004, có đăng ký kết hôn và ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 340/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh C. Chị F không cùng anh E vay tiền của chị A và không đồng ý cùng anh E hoàn trả số tiền 300.000.000 đồng do anh E vay, chị F có chứng cứ xác định từ đầu năm 2016 chị và anh E đã sống ly thân; Trong quá trình giải quyết vụ án ngoài trình bày của mình thì chị A không có chứng cứ nào khác chứng F chị F có sử dụng số tiền do anh E đứng ra vay của chị A. Do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị A buộc chị Lê Bích F có nghĩa vụ cùng anh Cao Hoàng E hoàn trả cho chị A số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi như chị A yêu cầu.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của chị A được chấp nhận nên căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án buộc anh Cao Hoàng E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 146, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với anh Cao Hoàng E và chị Lê Bích F:

Buộc anh Cao Hoàng E có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Bùi Thị A số tiền vay gốc và tiền lãi tính từ ngày 22/01/2017 đến ngày 23/7/2019 là 374.783.000 (ba trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn) đồng. Đồng thời kể từ ngày 24/7/2019 cho đến khi thi hành án xong, anh Cao Hoàng E còn phải trả cho chị Bùi Thị A khoản tiền lãi của số tiền 374.783.000 đồng phải thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị A đối với yêu cầu chị Lê Bích F có nghĩa vụ cùng anh Cao Hoàng E hoàn trả cho chị Bùi Thị A số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 16/01/2017.

2/ Về án phí:

Anh Cao Hoàng E phải chịu 18.739.000 (mười tám triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Bùi Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Bùi Thị A 9.609.000 (chín triệu sáu trăm lẻ chín nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị A đã nộp theo biên lai thu số 0015239 ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh C.

3/ "Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4/ Báo cho chị Bùi Thị A, bà Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể tử ngày tuyên án. Riêng anh Cao Hoàng E, chị Lê Bích F được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C;
- VKSND tỉnh C;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Phú Sang